

CẶP THOẠI TIẾNG VIỆT TRONG HỘI THOẠI DẠY HỌC

(Qua khảo sát hội thoại dạy học ở bậc Trung học cơ sở)

TS NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN

1. Đặt vấn đề

Hội thoại là hình thức giao tiếp phổ biến bằng ngôn ngữ của con người. Trong cấu trúc hội thoại, cặp thoại là một đơn vị quan trọng, có khả năng biểu hiện tập trung các đặc trưng cơ bản của hội thoại đồng thời thể hiện rõ nhất sự tương tác giữa người nói và người nghe. Cặp thoại giữ vị trí trung gian giữa bước thoại và đoạn thoại, là bản lề nối từ giao tiếp đơn thoại sang giao tiếp đa thoại. Có thể nói, cặp thoại là hình ảnh thu nhỏ của cuộc thoại.

Tuy nhiên, khi nghiên cứu cặp thoại đã nảy sinh một số vấn đề cần phải làm rõ hơn như khái niệm cặp thoại trong Việt ngữ, đơn vị cấu tạo cặp thoại, ranh giới cặp thoại trong hội thoại... Bài viết này, sẽ khái quát những cách hiểu khác nhau về cặp thoại trong ngôn ngữ học và qua ngữ liệu thực tế sẽ xác định đơn vị cặp thoại trong hội thoại dạy học - một kiểu hội thoại tuy quen thuộc nhưng còn nhiều điều cần làm sáng tỏ.

Ngữ liệu khảo sát là các diễn ngôn dạy học được ghi âm từ các tiết học chính khóa như Vật lí, Sinh học, Địa lí... ở một số trường trung học cơ sở trong toàn quốc. Cặp thoại là những lát cắt được phân tách từ các diễn ngôn thực tế này.

2. Các quan điểm về cặp thoại

Có 3 trường phái nghiên cứu hội thoại tiêu biểu trên thế giới là trường phái phân tích hội thoại Mỹ, trường phái phân tích diễn ngôn Anh và trường phái phân tích hội thoại Pháp - Thụy Sĩ. Cùng với các vấn đề khác về hội thoại, cặp thoại được các nhà nghiên cứu hiểu và tiếp cận với các mức độ khác nhau.

Trường phái phân tích hội thoại Mỹ không đề cập đến đơn vị cặp thoại mà chỉ nói đến cặp kế cận (*adjacency pair*) và cấu trúc được ưa chuộng (*preference structure*). Nghiên cứu từ các loạt trao đáp qua điện thoại được thực hiện từ Trung tâm phòng ngừa tự vấn, H. Sacks, Jefferson và Schegloff đã chỉ ra rằng, cặp kế cận được tạo bởi 2 phát ngôn thường đi liền với nhau, theo kiểu tự động hóa. Thí dụ: *chào - chào lại; hỏi - trả lời, yêu cầu - chấp nhận yêu cầu...* Cấu trúc của nó gồm hai phần và ổn định đến mức nếu phần thứ hai (*second part*) bị bỏ qua không đáp lại phần thứ nhất (*first part*) thì sự vắng mặt của nó vẫn được coi là mang nghĩa. Căn cứ vào sự hồi đáp của phần thứ hai mà hình thành cấu trúc được ưa chuộng (*preference structure*) và cấu trúc không được ưa chuộng (*dispreference structure*). Thí dụ:

(Mời - chấp nhận)

Phần thứ nhất: *Mai mẹ cho con đi chơi công viên nhé!*

Phần thứ hai: *Ừ!*

(Yêu cầu - từ chối)

Phần thứ nhất: *Mai mẹ cho con đi chơi công viên nhé!*

Phần thứ hai: *Mẹ bận rồi.*

Cặp kể cận được coi là khái niệm trung tâm của trường phái phân tích hội thoại Mỹ và những kết quả này là tiền đề cho những nghiên cứu sau đó của trường phái phân tích diễn ngôn Anh.

Trường phái phân tích diễn ngôn Anh xem xét hội thoại trong chính thể của nó. Lấy đối tượng nghiên cứu chính là các cuộc tương tác giữa giáo viên và học sinh trên lớp học, trường phái phân tích diễn ngôn Anh coi một cuộc thoại như một diễn ngôn tổng thể được cấu thành từ các bộ phận bên trong nó. Toàn bộ bài học được coi là một cuộc tương tác (*interaction*) gồm nhiều phiên giao dịch (*transactions*), mỗi phiên giao dịch được thực hiện bằng những loạt trao đáp (*exchanges*) và mỗi loạt trao đáp được tạo ra bằng những bước thoại (*moves*), trong đó nhân tố cốt lõi của bước thoại là các hành động nói (*speech acts*). Loạt trao đáp ở đây chính là *exchange*. Thuật ngữ *exchange* được các nhà ngôn ngữ thuộc trường phái phân tích diễn ngôn Anh dùng để chỉ đơn vị hội thoại nhỏ nhất mang tính tương tác giữa người nói và người nghe.

Cùng với các đơn vị hội thoại khác, khái niệm *exchange* được trường phái phân tích hội thoại Pháp - Thụy Sĩ kế thừa trong đường hướng nghiên

cứu của mình, song cách hiểu về đơn vị cấu tạo nó (bước thoại/ tham thoại) cũng có ít nhiều khác biệt.

Như vậy, các trường phái hội thoại trên thế giới đã đưa ra hai đơn vị có khả năng phản ánh mối quan hệ tương tác giữa người nói và người nghe, đó là *adjacency pair* (theo trường phái phân tích hội thoại Mỹ) và *exchange* (theo trường phái phân tích diễn ngôn Anh và trường phái phân tích hội thoại Pháp - Thụy Sĩ). *Adjacency pair* được các nhà dụng học Việt ngữ dịch là *cặp kể cận* (Cao Xuân Hạo, Diệp Quang Ban, Đỗ Hữu Châu) và *cặp thoại* (Nguyễn Đức Dân). Còn *exchange* được dịch là *cặp thoại*, *cặp trao đáp* (Đỗ Hữu Châu), *cặp đối đáp* (Cao Xuân Hạo), *sự trao đáp* (Nguyễn Thiện Giáp).

Cụ thể, Đỗ Hữu Châu trong công trình *Đại cương ngôn ngữ học* - tập 2 đã lược thuật cấu trúc bậc của hội thoại theo trường phái phân tích diễn ngôn Anh và dịch thuật ngữ *exchange* là *cặp thoại*. “Hành vi là đơn vị nhỏ nhất của cuộc thoại tức cuộc tương tác. Các hành vi tạo nên bước thoại và các bước thoại tạo nên cặp thoại, cứ thế cho đến đơn vị bao trùm là cuộc thoại” [3, 298].

Theo Diệp Quang Ban - tác giả *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học*, *exchange* là *trao đáp* dùng để “chỉ một đơn vị trong cấu trúc hội thoại gồm hai lượt lời giữa hai người đối thoại với nhau trong đó người nói 1 định hướng vào người nghe với sự chờ đợi lời hồi đáp từ người nghe và người nghe ban đầu trở thành người nói 2 đáp lại lời người nói 1” [1b, 493]. Cũng coi lượt lời là đơn vị cấu tạo nên cặp thoại nhưng Nguyễn Đức Dân cho rằng “hai lượt lời có liên quan trực tiếp với nhau và

đứng kề nhau làm nên một *cặp thoại* (*adjacency pair*)” [5, 85].

Đề cập đến các yếu tố trong cấu trúc hội thoại, Nguyễn Thiện Giáp - tác giả cuốn *Dụng học Việt ngữ* cho rằng cặp thoại là hai phát ngôn có quan hệ trực tiếp với nhau. Thí dụ như *chào - chào; hỏi - trả lời; mời - nhận lời mời...* [7a, 70]. Mặc dù không trích dẫn trực tiếp khái niệm gốc nhưng có thể hiểu rằng, Nguyễn Thiện Giáp quan niệm *cặp thoại* chính là *cặp kế cận* (*adjacency pair*).

Tác giả cuốn *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học* định nghĩa: “cặp trao đáp là đơn vị lưỡng thoại nhỏ nhất của cuộc thoại do các tham thoại tạo nên, còn gọi là cặp thoại” [10, 31].

Dẫu còn ít nhiều khác biệt, song, điểm thống nhất giữa các nhà nghiên cứu là: Có một đơn vị hội thoại có khả năng bao chứa mối quan hệ tương tác giữa người nói và người nghe, là bản lề nối từ giao tiếp đơn thoại sang giao tiếp đa thoại, đó là cặp thoại. Phần lớn các nhà ngôn ngữ học Việt Nam cho rằng, *cặp thoại* là *exchange*, *cặp kế cận* là *adjacency pair*, song cũng có người coi *cặp thoại* chính là *adjacency pair*. Như vậy, cặp thoại trong Việt ngữ được hiểu từ hai khái niệm của các trường phái nghiên cứu hội thoại trên thế giới. Vấn đề ở đây không đơn giản là tên gọi khác nhau từ cách dịch mà cách hiểu hai đối tượng này cũng cần phải bàn thêm.

Không chỉ có khái niệm cặp thoại, việc gọi đơn vị cấu tạo nên cặp thoại là tham thoại, bước thoại hay lượt lời, các trường phái cũng không tìm được

tiếng nói chung (trong phạm vi bài viết này, chúng tôi coi bước thoại là đơn vị cấu tạo nên cặp thoại mà không đi sâu lí giải sự phức tạp của đối tượng). Bước thoại “đồng nghĩa với cái thay đổi của người nói. Nó là cấp độ đầu thúc đẩy sự diễn tiến của cuộc trò chuyện và nó đánh dấu điểm chuyển tiếp. Ở vị trí đó, đối tác thứ hai có trách nhiệm phải hồi đáp” [3, 301]. Hội thoại là kiểu giao tiếp trực tiếp, “mặt đối mặt” nên sự hồi đáp có thể được thực hiện bằng lời (hành động nói) hoặc các phương tiện phi lời (các hoạt động vật lí - sinh lí... và sự im lặng). Nierenberg & Calelo gọi các phương tiện phi lời là các hình thức của siêu thoại (meta-talk) nghĩa là ý định của người nói không hiển ngôn trên bề mặt của phát ngôn bằng lời. Dù là phương tiện nào thì “điều quan trọng là “hành động nói” đó phải tác động đến người nghe hoặc về trí tuệ (như là hiểu ra một điều gì), hoặc về tình cảm (như yêu thương hay hờn giận) hoặc về hành động (như ngồi xuống, đi mở cửa)”... [1a, 504].

3. Cặp thoại trong hội thoại dạy học

Như đã nêu ở trên, *cặp thoại* trong Việt ngữ là thuật ngữ được dịch từ hai khái niệm *adjacency pair* và *exchange* của 3 trường phái nghiên cứu hội thoại tiêu biểu trên thế giới. Đây là khái niệm mà các nhà nghiên cứu tiếp cận và hiểu không hoàn toàn giống nhau. Vì vậy, cần phải xác định rõ đơn vị cặp thoại trong Việt ngữ để từ đó làm cơ sở cho việc tìm hiểu đơn vị cặp thoại dạy học trong hội thoại dạy học.

Nếu coi *adjacency pair* là *cặp thoại* tức là thừa nhận cặp thoại chỉ có hai phần: phần thứ nhất (first part) và

phần thứ hai (second part) và đây chính là 2 bước thoại do các nhân vật tham gia giao tiếp thực hiện. Coi *adjacency pair* là *cặp thoại* sẽ thấy được mối quan hệ tương tác chặt chẽ trong lòng cặp thoại và có thể tách nó ra khỏi chuỗi trao đáp mà mục đích giao tiếp không thay đổi. Thí dụ:

(1) GV¹: *Sau khi con quan sát thì con hãy cho cô biết là đồng bằng sông Hồng nằm ở phần nào của hệ thống sông Hồng?*

HS¹: *Con thưa cô đồng bằng sông Hồng nằm ở phần hạ lưu của sông Hồng.*

(Đồng bằng sông Hồng - Địa lí 9)

Theo trường phái phân tích hội thoại Mỹ, hai bước thoại trên có mối quan hệ tương tác hỏi - đáp. Hành động hỏi thực hiện mục đích hỏi, có hiệu lực yêu cầu học sinh phải hỏi đáp, hành động trần thuật được sử dụng với mục đích trả lời cho hành động hỏi ở trên. Tách khỏi ngữ cảnh, đây vẫn được coi là một cặp thoại tạo nên một tương tác trọn vẹn, có hiệu lực hỏi - trả lời.

Trên thực tế, một cuộc thoại không chỉ đơn giản gồm các cặp thoại biệt lập như trên. Luôn tồn tại mối quan hệ chặt chẽ giữa các bước thoại trong cùng một cặp thoại và các bước thoại trong các cặp thoại khác nhau trong cùng một cuộc thoại. Các bước thoại đó có sự kế tiếp nhau, móc xích với nhau và cùng hướng tới việc thực hiện mục đích giao tiếp. Chẳng hạn, cặp thoại được dẫn trong thí dụ (1) còn một phần dưới đây:

GV¹: *Đúng rồi, đồng bằng sông Hồng nằm ở hạ lưu của sông Hồng.*

Như đã phân tích ở trên, cặp thoại GV¹- HS¹ có thể hoàn thành một tương

tác hỏi - đáp giữa giáo viên và học sinh. Tuy nhiên, trong hội thoại dạy học (và cả trong thực tế), cặp thoại có thể có hơn hai bước thoại. Bước thoại HS¹: *Con thưa cô đồng bằng sông Hồng nằm ở phần hạ lưu của sông Hồng* có chức năng kép: vừa đáp ứng các yêu cầu cung cấp thông tin do bước thoại dẫn nhập GV¹ đặt ra: *Sau khi con quan sát thì con hãy cho cô biết là đồng bằng sông Hồng nằm ở phần nào của hệ thống sông Hồng?* vừa dẫn nhập tới bước thoại phản hồi GV¹⁻² tiếp theo: *Đúng rồi, đồng bằng sông Hồng nằm ở hạ lưu của sông Hồng*. Rõ ràng, bước thoại HS¹ không chỉ có vai trò hỏi đáp (trả lời) cho bước thoại GV¹ (hỏi) mà còn có nhiệm vụ đòi hỏi có sự xuất hiện của bước thoại thứ 3 - bước thoại GV¹⁻². Bước thoại này có vai trò nhận xét, đánh giá các nội dung trong bước thoại HS¹.

Nếu hiểu cặp thoại là *exchange*, tức là đặt cặp thoại vào trong chỉnh thể cuộc thoại, coi cặp thoại là một đơn vị hội thoại. Từ đó có thể thấy được sự luân phiên vai nhíp nhàng giữa người nói và người nghe. Sự luân phiên này là cơ sở để hình thành các đơn vị lớn hơn cặp thoại, đó là đoạn thoại, cuộc thoại. Quan sát thí dụ:

(2) GV¹: *Cô mời các con quan sát hình 20.1 SGK trang 72, xác định cho cô vị trí giới hạn của đồng bằng sông Hồng.*

HS¹: (Học sinh quan sát hình vẽ).

GV¹: *Nào!*

HS¹: *Xung phong.*

GV^{1''}: *Mời em!* (chỉ tay mời học sinh).

HS^{1''}: (Đứng dậy).

GV²: *Sau khi con quan sát thì con hãy cho cô biết là đồng bằng sông Hồng nằm ở phần nào của hệ thống sông Hồng?*

HS²: *Con thưa cô đồng bằng sông Hồng nằm ở phần hạ lưu của sông Hồng ạ.*

GV²⁻³: *Đúng rồi. Đồng bằng sông Hồng nằm ở hạ lưu của sông Hồng. Vậy thì con có thể cho cô biết đồng bằng sông Hồng ngoài cái phần nằm ở hạ lưu sông Hồng thì đồng bằng sông Hồng giáp với những vùng nào?*

HS³: *Con thưa cô vùng đồng bằng sông Hồng là phía Đông Bắc giáp với vùng trung du và miền núi phía Bắc, phía Tây Nam giáp với Bắc Trung Bộ và phía Đông Nam giáp với Vịnh Bắc Bộ ạ.*

GV³: *Vị trí này, nằm ở hạ lưu sông Hồng, hệ thống sông Hồng phải không nhờ? Thứ hai là giáp giới này, phải không, giới hạn đấy thì thứ nhất là phía Đông Bắc giáp với miền núi vùng Trung du miền núi phía Bắc, phía Tây Nam thì giáp với là Bắc Trung Bộ, phía Đông Nam giáp với vịnh Bắc Bộ.*

(Đồng bằng sông Hồng - Địa lí 9)

Chuỗi trao đáp trên bao gồm nhiều bước thoại của giáo viên và học sinh thiết lập nên 5 cặp thoại có vai trò khác nhau nhưng liên kết chặt chẽ với nhau. Đó là hai cặp thoại có nhiệm vụ phát vấn các nội dung kiến thức là GV² - HS² - GV²⁻³; GV²⁻³ - HS³ - GV³...; 3 cặp thoại có chức năng điều khiển các hoạt động dạy học và điều hành lượt lời, giữ gìn nghi thức cuộc thoại là GV¹ - HS¹; GV^{1'} - HS^{1'}; GV^{1''} - HS^{1''}. Hạt nhân của mỗi cặp thoại là các bước

thoại và mỗi bước thoại đều có một hành động nói làm cơ sở. Chẳng hạn cặp thoại GV¹ - HS¹ được tạo nên từ hai bước thoại: bước thoại GV¹ có hạt nhân là hành động nói “mời” với mục đích yêu cầu học sinh thực hiện một hành động cụ thể: quan sát hình vẽ. Hỏi đáp cho hành động yêu cầu của giáo viên là một hành động phi lời của học sinh. Cặp thoại GV² - HS² - GV²⁻³ gồm 3 bước thoại liên kết với nhau tạo thành một cặp tương tác hoàn chỉnh: bước thoại GV² do giáo viên thực hiện dẫn nhập thông qua hành động hỏi (*Sau khi con quan sát thì con hãy cho cô biết là đồng bằng sông Hồng nằm ở phần nào của hệ thống sông Hồng?*); bước thoại HS² hỏi đáp lại các yêu cầu mà bước thoại GV² đặt ra thông qua hành động trả lời (*Con thưa cô đồng bằng sông Hồng nằm ở phần hạ lưu của sông Hồng ạ*). Bước thoại GV²⁻³ (*Được rồi!...*) có vai trò đánh giá mức độ hỏi đáp trong bước thoại HS¹ đồng thời cũng khẳng định các vấn đề được dẫn nhập ở GV¹ thông qua hành động nói đánh giá, nhận xét. Ba bước thoại này đều trùng với một hành động nói và trùng với một lượt lời. Hội thoại dạy học là kiểu hội thoại mang tính qui thức điển hình nên học sinh không thể tự do tham gia vào cuộc thoại mà phải có sự cho phép của giáo viên. Đây là lí do xuất hiện 2 cặp thoại điều khiển nằm giữa cặp thoại GV¹ - HS¹ và GV² - HS² - (GV²⁻³). Hai cặp thoại GV^{1'} - HS^{1'}; GV^{1''} - HS^{1''} đều có cấu tạo là 2 bước thoại và hiệu lực ở lời là yêu cầu - đáp ứng yêu cầu. Sự đáp ứng này có thể bằng ngôn ngữ hoặc bằng các hành động phi ngôn ngữ.

Quan sát thí dụ còn thấy, không phải các bước thoại trong cặp thoại xuất hiện lần lượt, kế tiếp nhau mà có nhiều các cặp chêm xen nằm giữa các bước thoại hoặc giữa các cặp thoại. Khi giáo viên phát vấn một hành động cầu khiến yêu cầu cung cấp thông tin (*Cô mời các con quan sát hình 20.1 SGK trang 72, xác định cho cô vị trí giới hạn của đồng bằng sông Hồng*), đã không có ngay hành động trả lời của học sinh mà chen giữa vào đó là hai cặp thoại GV^{1'} - HS^{1'} và GV^{1''} - HS^{1''}. Hành động thúc giục (*Nào!*) của giáo viên được hồi đáp tích cực vì hành động xung phong của học sinh chính là đáp ứng được yêu cầu. Sau đó, giáo viên dùng hành động chỉ định (*Mời em!*) để cho phép học sinh tham gia vào diễn ngôn. Học sinh chấp nhận yêu cầu này bằng cách đứng lên trả lời và hành động đứng lên hồi đáp cho hành động chỉ định.

Như vậy, coi cặp thoại (exchange) là đơn vị hội thoại có mối quan hệ liên kết bên trong và bên ngoài có lẽ phù hợp với cấu trúc hội thoại. Trong hội thoại dạy học, khi coi exchange là cặp thoại, cần phải hiểu khái niệm *cặp* một cách linh hoạt. Theo *Từ điển tiếng Việt*, *cặp* là “tập hợp gồm hai vật, hai cá thể cùng loại đi đôi với nhau tạo thành một thể thống nhất. Thí dụ: *cặp môi, cặp mắt, cặp vợ chồng*” [16, 119]. Từ khái niệm *cặp* và từ quan hệ đối thoại giữa hai nhân vật giao tiếp, phần lớn các nhà ngôn ngữ đều khẳng định rằng *cặp thoại* là một đơn vị hội thoại nhưng xác định số lượng bước thoại trong cặp thoại không hoàn toàn giống nhau. Một số tác giả cho rằng, cặp thoại có 2 bước thoại mà 2 bước thoại này đi liền nhau, có quan hệ mật thiết với

nhau. Đó chính là cặp kế cận như đã trình bày ở phần trên. Không đưa ra một khái niệm chính thức nào nhưng khi đi sâu nghiên cứu cấu trúc hội thoại của trường phái phân tích hội thoại Pháp - Thụy Sĩ, tác giả cuốn *Đại cương ngôn ngữ học - Tập 2* định nghĩa “*cặp thoại* được cấu thành từ các tham thoại” [3, 315]. Căn cứ vào số lượng tham thoại mà hình thành nên cặp thoại 1 tham thoại, cặp thoại 2 tham thoại và cặp thoại 3 tham thoại.

Như vậy, tồn tại các quan điểm khác nhau khi hiểu và tiếp cận khái niệm *cặp*. Trong hội thoại dạy học, *cặp* được hiểu là 2 mà cũng có thể hơn 2. Qua thí dụ trên, có thể thấy, trong hội thoại dạy học, tồn tại các kiểu cặp thoại khác nhau và ở dạng tối thiểu nhất, cặp thoại được tạo nên từ 2 bước thoại (bước thoại được hiểu như chúng tôi đã trình bày ở trên). Trường hợp 2 bước thoại có mối liên hệ qua lại chặt chẽ với nhau tạo nên một tương tác trọn vẹn thì ranh giới cặp thoại (exchange) trùng với cặp kế cận (adjacency pair). Có thể coi, cặp thoại hai bước thoại GV^{1'} - HS^{1'}, GV^{1''} - HS^{1''} trên đây là một kiểu cặp thoại có mối quan hệ liên kết hiệu lực ở lời một cách chặt chẽ.

Trong trường hợp cặp thoại chỉ có 1 bước thoại (hay gọi là cặp thoại hẫng) như:

Sp1: (gõ cửa)

Sp2: *Mời vào!*

Hay trong thí dụ (2):

GV^{1'}: *Cô mời các con quan sát hình 20.1 SGK trang 72, xác định cho cô vị trí giới hạn của đồng bằng sông Hồng.*

HS^{1'}: (im lặng, quan sát hình vẽ).

Chúng tôi cho rằng, cặp thoại phải có sự tương tác giữa người nói và người nghe. Sự tương tác ở đây có thể bằng lời hoặc bằng các hành động phi lời. Cặp thoại 1 bước thoại thực chất chính là cặp thoại có 2 bước thoại trong đó có một bước thoại được thực hiện bằng một hành động phi ngôn ngữ: hành động gõ cửa có mục đích yêu cầu (xin phép được vào nhà) và hành động mời là chấp nhận yêu cầu. Và theo trường phái phân tích hội thoại Mỹ, sự im lặng của các nhân vật khi tham gia giao tiếp cũng có thể gán cho nó mang một thông điệp nào đó tùy từng tình huống giao tiếp. (xem thêm thuật ngữ *attributable silence* [1a, 428]). Cho nên, khi giáo viên yêu cầu (*Cô mời các con quan sát hình 20.1 SGK trang 72, xác định cho cô vị trí giới hạn của đồng bằng sông Hồng*) học sinh không có hành động hồi đáp bằng lời nhưng hành động phi ngôn ngữ (quan sát hình vẽ) được coi là hành động đáp ứng lại hành động yêu cầu của giáo viên. Đó là lí do để khẳng định rằng, số lượng bước thoại trong cặp thoại phải tối thiểu là 2.

Tuy nhiên, một bước thoại hồi đáp trong cặp thoại, về nguyên tắc, sẽ tiềm ẩn chức năng dẫn nhập đối với bước thoại tiếp theo và bước thoại thứ ba này có vai trò hoàn chỉnh cho sự trao đáp. Xin mượn thí dụ của tác giả Diệp Quang Ban:

N1.a: *Xem gì đấy?*

N1.b: *“Đuổi hình bắt chữ”.*

N1.c: *Chương trình đó hay đấy, vui, trí tuệ một cách nhẹ nhàng.*

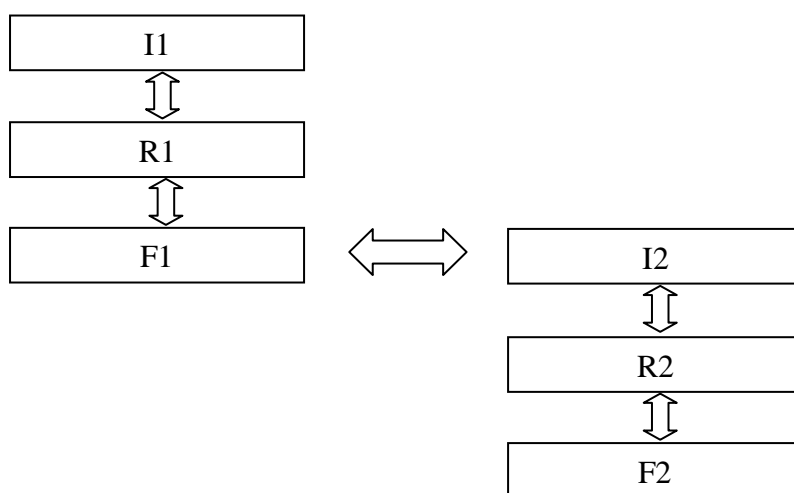
(dt1, tr.505)

Cặp trao đáp trên gồm 3 bước thoại. Bước thoại thứ ba gọi là sự đánh giá và sự đánh giá ở đây “chỉ ra giai đoạn thứ ba của loạt trao đáp, nhờ nó mà N1 (được hiểu như Sp1) khép lại cái loạt trao đáp do chính anh ta mở ra này, nhằm báo hiệu cho N1 biết rằng anh ta ghi nhận đầy đủ lượt lời phản ứng của N2 và báo hiệu rằng anh ta coi lượt lời phản ứng đó là sự thỏa đáng” [1a, 505]. Theo tác giả Diệp Quang Ban, cặp thoại ba bước thoại được coi là cấu trúc hợp lí.

Sự xuất hiện của bước thoại thứ ba tạo nên cặp thoại 3 bước thoại trong hội thoại dạy học lại càng cần thiết. Đúng ở góc độ giáo dục học, trong khi giao nhiệm vụ hay yêu cầu học sinh làm một việc gì đó giáo viên, phải đưa ra những đánh giá, nhận xét, bình luận... đối với hoạt động đó. Đáp lại câu trả lời của học sinh là một khâu quan trọng trong dạy học tương tác đồng thời cũng là yêu cầu của hội thoại dạy học. Theo hai nhà giáo dục học Lowery và Marshall (1980), “những phương thức đáp lại của giáo viên sau khi học sinh trả lời hay hoàn thành những yêu cầu chỉ dẫn có sự ảnh hưởng mạnh mẽ đến thái độ học tập của học sinh hơn cả những chỉ thị, yêu cầu” [11, 36] trong bước thoại trao. Bước thoại thứ ba thường được giáo viên sử dụng để hồi đáp lại những kiến thức mà học sinh trình bày trong giờ học. Sự xuất hiện của bước thoại phản hồi cũng xuất phát từ chính quá trình dạy học. “Giáo viên đưa ra những yêu cầu kiến thức thông qua các tình huống dạy học để học sinh phải nhận thức. Sau đó giáo viên phải thu lại những tín hiệu ngược từ học sinh giúp cho học sinh điều chỉnh quá

trình nhận thức đồng thời giúp cho giáo viên điều chỉnh quá trình dạy học” [15, 138]. Trở lại thí dụ trên, bước thoại GV²⁻³ có vai trò đánh giá mức độ hồi đáp trong bước thoại HS¹ đồng thời cũng khẳng định các vấn đề được dẫn nhập ở GV¹ thông qua hành động nói đánh giá, nhận xét. Có thể coi cặp thoại GV² - HS² - GV²⁻³ là một tương tác trao đáp trọn vẹn.

Qua thực tế ngữ liệu, cặp thoại 3 bước thoại được coi là kiểu cặp thoại



Kí hiệu: I: bước thoại dẫn nhập; R: bước thoại hỏi đáp; F: bước thoại phản hồi.

Trong diễn tiến cuộc thoại, các mối quan hệ liên kết này đan bện vào nhau tạo nên sự gắn kết chặt chẽ của diễn ngôn. Trong hội thoại dạy học, mối quan hệ liên kết này phản ánh đặc trưng của hoạt động dạy học: kiến thức luôn có sự gắn bó chặt chẽ và tiếp nối nhau, tạo thành những nội dung hoàn chỉnh để học sinh dễ dàng tiếp nhận.

Ngoài kiểu cặp thoại 2 bước thoại, cặp thoại 3 bước thoại, trong hội thoại dạy học còn tồn tại những cặp thoại có cấu trúc phức tạp hơn. Giữa các cặp thoại còn có thể có một chuỗi chêm

diễn hình trong hội thoại dạy học. Nếu trong hội thoại đời thường, có thể bước thoại thứ ba là không cần thiết nhưng trong hội thoại dạy học, bước thoại thứ ba là chính là sợi dây nối kết giữa các bước thoại bên trong và bên ngoài cặp thoại. Nó gắn liền với bước thoại dẫn nhập của cặp thoại tiếp theo và đây là lí do để các cặp thoại luôn liên kết với nhau theo block nhằm truyền đạt thông tin một cách trọn vẹn.

xen và chuỗi này là 2 phát ngôn làm thành cặp thoại thứ hai chen vào giữa cặp thoại ban đầu. Thí dụ:

(3) GV¹: *Các con hãy phân tích ý thứ hai là tỉ lệ thất nghiệp ở đô thị.*

GV^{1'}: *Nào!*

HS1: *(im lặng)*

GV^{1''} (chỉ định): *Cô mời con!*

HS^{1''}: *(đứng dậy trả lời)*

HS¹: *Con thưa cô là tỉ lệ thất nghiệp ở đồng bằng sông Hồng là cao hơn so với cả nước.*

GV¹⁻²: *Cao hơn so với cả nước. Con có biết vì sao không?*

HS²: *Theo con thì...*

GV²: *Con thử lưu ý một ý về diện tích xem nào?*

HS²: *Diện tích rất hạn hẹp a.*

GV²: *À, diện tích nhỏ này mà mật độ dân số lại cao này, dân lại đông này, đúng không? Đây chính là một nguyên nhân gây thất nghiệp.*

(*Đồng bằng sông Hồng - Địa lí 9*)

Ba bước thoại của cặp thoại trên không đứng liền nhau mà có 3 cặp kế cận chen vào giữa. Khi giáo viên phát vấn một hành động cầu khiến yêu cầu cung cấp thông tin (*Các con hãy phân tích ý thứ hai là tỉ lệ thất nghiệp ở đô thị*) không có ngay hành động trả lời của học sinh mà xen giữa vào đó là hai cặp kế cận GV¹ - HS¹ và GV¹ - HS¹. Hành động thúc giục (*Nào!*) của giáo viên không được hồi đáp tích cực vì sự im lặng gán được trong trường hợp này là học sinh không thể hay chưa thể đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin của học sinh. Sau đó, giáo viên dùng hành động chỉ định (*Cô mời con!*) để bắt buộc học sinh tham gia vào diễn ngôn. Học sinh chấp nhận yêu cầu này bằng cách đứng lên trả lời và hành động đứng lên hồi đáp cho hành động chỉ định. Hai cặp kế cận này lồng ghép trong cặp thoại lớn bởi chúng không có tính quan yếu (conditional relevance) với cặp thoại bao chứa nó. Tức là nội dung giữa cặp thoại GV¹ - (GV¹⁻²) và hai cặp lồng ghép GV¹ - HS¹ và GV¹ - HS¹ không có mối liên hệ với nhau.

Trong khi đó, phát ngôn thứ nhất của chuỗi chêm xen GV²: *Con thử*

lưu ý một ý về diện tích xem nào? có tính trọng yếu rõ ràng: nó có quyết định đối với phần lựa chọn thứ hai GV²: À, diện tích nhỏ này mà mật độ dân số lại cao này, dân lại đông này, đúng không? Đây chính là một nguyên nhân gây thất nghiệp. Theo đó, tính trọng yếu này được gọi là tính trọng yếu điều kiện. Nó “có tác dụng tạo điều kiện cần đối với việc đưa ra phần thứ hai của cặp kế cận ban đầu” [1a, 83].

Do tính chất và vai trò “đặc thù” của mình nên các cặp chêm xen có vị trí linh hoạt, xuất hiện bất kì chỗ nào trong cuộc thoại, nhưng thường gặp hơn cả là ở giữa các bước thoại. Trong hội thoại dạy học, cặp thoại có hiệu lực chỉ định, thúc giục hay yêu cầu học sinh tham gia vào diễn ngôn được thực hiện đẳng lập so với các cặp thoại tạo nên vận động chính của cặp thoại là phát vấn, thông tin. Nếu trong hội thoại đòi thường, các hành động nói trong cặp chêm xen có nhiều khả năng được nâng lên thành đề tài diễn ngôn làm chuyển hướng cuộc thoại thì các cặp chêm xen trong hội thoại dạy học ít có khả năng này.

Với sự xuất hiện của cặp chêm xen trong lòng một cặp thoại khác khiến cho kích cỡ của cặp thoại đã có sự biến đổi đáng kể. Một cặp thoại không có sự kế cận giữa các bước thoại là cơ sở để hình thành cặp thoại mở rộng và tiệm cận tới đơn vị sự kiện lời nói. Sự kiện lời nói trong hội thoại dạy học có thể là một cặp thoại đơn có 2 hay 3 bước thoại hay là một cặp thoại mở rộng với sự tổ hợp của một số cặp thoại. Vấn đề này cần được nghiên cứu kĩ hơn trong một công trình khác.

3. Kết luận

Cặp thoại là đơn vị trung tâm trong cấu trúc hội thoại, có vai trò chuyển từ giao tiếp đơn thoại sang giao tiếp đa thoại, là nơi người nói người nghe tương tác với nhau để cùng đạt được mục đích giao tiếp. Có nhiều quan điểm về cặp thoại và cách hiểu về khái niệm cặp cũng không hoàn toàn giống nhau. Trong hội thoại dạy học nói riêng và hội thoại nói chung, khái niệm *cặp* cần được hiểu theo nghĩa rộng: *cặp* có thể là 2 mà cũng có thể lớn hơn 2. Với giao tiếp dạy học, cặp thoại là đơn vị có ít nhất 2 bước thoại và trong trường hợp 2 bước thoại này đứng cạnh nhau, bước thoại này “gợi” bước thoại kia theo kiểu “tự động hóa” khi đó, cặp thoại trùng với cặp kế cận. Cặp thoại 2 bước thoại được coi là cặp thoại điển hình, phản ánh những đặc trưng cơ bản của hoạt động dạy học. Sự xuất hiện của bước thoại thứ ba là cần thiết và chính mối liên hệ bên ngoài của bước thoại thứ ba giúp cho các cặp thoại có quan hệ liên kết với nhau tạo thành đoạn thoại, cuộc thoại. Cấu trúc cặp thoại khá linh hoạt, phụ thuộc vào từng tình huống giao tiếp và từng kiểu giao tiếp cụ thể.

Khi nghiên cứu cặp thoại, còn một số vấn đề cần làm rõ như đơn vị cấu tạo cặp thoại, ranh giới cặp thoại trong cuộc thoại, liên kết trong cặp thoại, cấu trúc cặp thoại khi tiệm cận đến đơn vị sự kiện lời nói. Xin dành những vấn đề này cho các nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban,
 - a. *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo của văn bản*, Nxb GD, H., 2009.
 - b. *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học* (sơ thảo), Nxb GD, H., 2010.
2. Brown.G & G. Yule, *Teaching the Spoken Language*, 1992.
3. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập 2 - *Ngữ dụng học*, Nxb GD, H., 2001.
4. Coulthard, M., *An Introduction to Discourse Analysis*, Longman, London & New York, 1978.
5. Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học*, Tập 1, Nxb GD, H., 1998.
6. George Yule, *Pragmatics*, Oxford Introduction to Language Study, Oxford University Press, 2000.
7. Nguyễn Thiên Giáp,
 - a. *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb ĐHQG, H., 2010.
 - b. *Dụng học Việt ngữ*, Nxb ĐHQG, H., 2000.
8. Gillian Brown, George Yule (Trần Thuần dịch), *Phân tích diễn ngôn*, Nxb ĐHQG HN, H., 2002.
9. Gregory, M & S.Carroll, *Language & Situation: Language Varieties and their Social Context*, Routledge & Kargan Paul, London, 1978.
10. Cao Xuân Hao, *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học đối chiếu Anh - Việt Việt - Anh*, Nxb KHXH, H., 2004.
11. Đặng Thành Hưng, *Tương tác hoạt động thầy - trò trên lớp học*, Nxb GDVN, H., 2004.
12. Vũ Thị Thanh Hương, *Ngôn ngữ phản hồi của giáo viên trên lớp học ở bậc tiểu học*, Trong *Những vấn đề ngôn ngữ học - Kỉ yếu hội nghị khoa học 2002*, Viện ngôn ngữ học, 2002.
13. Nattinger.J.R & De Carrico.J.S, *Lexical Phrases and Langguage Teaching*, OUP, 1992.

14. Nguyễn Thị Hồng Ngân,
a. *Hành vi khen trong hội thoại dạy học* (khảo sát ở bậc THCS), T/c Ngôn ngữ, Số 10, 2011.
b. *Tìm hiểu về cặp thoại ở bậc THCS*, T/c Ngôn ngữ và đời sống, Số 11, 2011.
c. *Đặc điểm câu hỏi của giáo viên trên lớp học*, T/c Ngôn ngữ, Số 3, 2011.
d. *Một vài đặc điểm của ngôn ngữ hội thoại dạy học* (khảo sát ở bậc THCS), T/c Khoa học - Trường ĐHSP HN, Số 7, 2012.
e. *Cặp thoại trong hội thoại dạy học*, Luận án Tiến sĩ, Trường ĐHSP HN, 2012.
15. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), *Giáo trình Giáo dục học*, Nxb ĐHSP HN, H., 2009.
16. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, 2004.
17. The Encyclopedia of Language and Linguistics, Volume II: *Discourse Analysis & Discourse in the Language Classroom*.
18. Tricia Hedge - Norman Whitney, *Power pedagogy & practice*, Oxford University Press, 1996.
19. Nguyễn Như Ý, *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb GDVN, H., 1996.

SUMMARY

Cap thoai is an important unit of the conversation structure. It is the smallest unit which reflects the interactive relationship between the speaker and the listener. In Vietnamese linguistics, *cap thoai* could be used to reflect two different theories: either as an adjacency pair or as an exchange. In teaching conversations, the use of *cặp thoại* as an adjacency pair will show the close relationship between the two moves and the use of *cap thoai* as an exchange will show the close relationship between the moves inside and outside of *cap thoai*. The analysis of data shows that a teaching exchange is a conversation unit which is composed of at least two moves. This means that it can coincide with one or more adjacent pairs. Teaching conversations may have many different types of exchanges but the three moves exchange is the most typical.